

Số: 531/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Phòng,
chống tham nhũng thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 318/TTr-TTr ngày 05 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra tỉnh.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu Cổng Dịch vụ công quốc gia và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công; Thanh tra tỉnh niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại đơn vị và trên Trang Thông tin điện tử.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.



**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	1. Thành phần hồ sơ: 1. Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; 2. Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định; 3. Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản); 4. Sổ theo dõi việc giao, nhận	<p>1. Trình tự thực hiện <i>Bước 1: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và hướng dẫn việc kê khai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai) lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. - Cơ quan, tổ chức gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Bản kê khai), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập. <p><i>Bước 2: Thực hiện việc kê khai</i></p> <p>Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu (02 bản kê khai) và gửi về cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc. Tài sản, thu nhập phải kê khai (quy định tại Điều 35 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng; b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống những số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; - Công văn số 252/TTCP-
	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập					

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	<p style="text-align: center;">Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết</p>	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Bản kê khai. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên; c) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài; d) Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.</p> <p>Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.</p> <p><i>Bước 3: Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai.</i></p> <p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền quy định tại Điều 30 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p> <p><i>Bước 4: Công khai bản kê khai</i></p> <p>a) Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.</p> <p>b) Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.</p> <p>c) Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy</p>		<p>C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.</p>

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập				
1	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai;</p> <p>2. Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định;</p> <p>3. Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản);</p> <p>4. Sổ theo dõi việc giao, nhận</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p><i>Bước 1: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và hướng dẫn việc kê khai</i></p> <p>- Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai) lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Cơ quan, tổ chức gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Bản kê khai), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện việc kê khai</i></p> <p>Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu (02 bản kê khai) và gửi về cơ quan, tổ chức nơi mình làm việc. Tài sản, thu nhập phải kê khai (quy định tại Điều 35 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018) bao gồm:</p> <p>a) Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;</p> <p>b) Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>- Công văn số 252/TTCP-</p>

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>định của pháp luật về bầu cử.</p> <p>d) Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p> <p>e) Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bỏ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p> <p><i>2.1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 252/TTCP- C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyên dụng, bổ trí vào vị trí công tác. <p><i>2.2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</i></p> <p>Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu</p>		



TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>2.3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>2.4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ: - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</p> <p>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</p>		
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Quyết định xác minh; biên</p>	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1: Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh</p> <p>- Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ra quyết</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống những số 36/2018/QH14</p>

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thu nhập		<p>bản làm việc; giải trình của người được xác minh; 2. Báo cáo kết quả xác minh; 3. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; 4. Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết</p> <p>định xác minh tài sản, thu nhập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 hoặc 15 ngày kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 41 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p> <p>- Quyết định xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: Căn cứ ban hành quyết định xác minh; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh tài sản, thu nhập; Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập; Nội dung xác minh; Thời hạn xác minh; Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phối hợp (nếu có).</p> <p>- Quyết định xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập, người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xác minh.</p> <p><i>Bước 2: Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.</i></p> <p>Yêu cầu người được xác minh giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó.</p>		<p>ngày 20 tháng 11 năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>



TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p><i>Bước 3: Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập; - Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập phục vụ cho việc xác minh. - Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh. <p><i>Bước 4: Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập phải báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày. - Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung được xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh; 		

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>b) Đánh giá về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm;</p> <p>c) Kiến nghị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.</p> <p><i>Bước 5: Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày. - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm các nội dung sau đây: Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; kiến nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập. - Người ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải chịu trách nhiệm về tính khách quan, trung thực của Kết luận xác minh. - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân yêu cầu, kiến nghị xác minh quy định tại Điều 42 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018. <p><i>Bước 6: Công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập.</i></p>		



TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập có trách nhiệm công khai Kết luận xác minh.</p> <p>- Việc công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện như việc công khai bản kê khai quy định tại Điều 39 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p> <p>Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc).</p>		
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Văn bản yêu cầu giải trình của cá nhân, tổ chức</p> <p>2. Thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu giải trình.</p> <p>3. Thông báo đồng ý hoặc từ chối</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p><i>Bước 1:</i> Người yêu cầu giải trình gửi văn bản yêu cầu giải trình hoặc trực tiếp đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình. Văn bản yêu cầu giải trình phải nêu rõ nội dung yêu cầu, ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại hoặc địa chỉ thư tín và phải có chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận của người yêu cầu giải trình. Trường hợp yêu cầu trực tiếp thì người yêu cầu giải trình phải trình bày rõ nội dung yêu cầu với người được giao tiếp nhận.</p> <p><i>Bước 2:</i> Cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có có trách nhiệm giải trình tiếp nhận yêu cầu giải trình khi đáp ứng các điều kiện tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống những số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy</p>

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>chối giải trình của cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>- Trường hợp nhiều người đến yêu cầu giải trình trực tiếp về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày. Việc cử người đại diện được thể hiện bằng văn bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người yêu cầu giải trình.</p> <p>- Trường hợp yêu cầu giải trình không thuộc trách nhiệm thì người tiếp nhận hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.</p> <p>- Trường hợp nội dung yêu cầu giải trình đã được giải trình cho người khác trước đó thì cung cấp bản sao văn bản giải trình cho người yêu cầu.</p> <p><i>Bước 3:</i> Người có trách nhiệm giải trình thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu giải trình về việc giải quyết hoặc không giải quyết và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình.</p>		<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p>
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thủ tục thực hiện việc giải trình	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung việc giải trình;</p> <p>2. Biên bản</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p><i>Bước 1:</i> Thu thập, xác minh thông tin có liên quan.</p> <p><i>Bước 2:</i> Làm việc trực tiếp với người yêu cầu giải trình để làm rõ những nội dung có liên quan khi thấy cần thiết. Nội dung làm việc được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên.</p> <p><i>Bước 3:</i> Ban hành văn bản giải trình với các nội dung sau đây: Họ tên, địa chỉ người yêu cầu giải trình; nội dung yêu cầu giải</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 59/2019/NĐ-</p>

TT	Tên TTHC bị thay thế (cũ)	Tên TTHC thay thế (mới)	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>làm việc có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên;</p> <p>3. Văn bản giải trình.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>trình; kết quả làm việc trực tiếp với tổ chức, cá nhân (nếu có); các căn cứ pháp lý để giải trình; nội dung giải trình cụ thể.</p> <p><i>Bước 4:</i> Gửi văn bản giải trình đến người yêu cầu giải trình.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p>		<p>CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p>